

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn theo
Thông tư số 43/2013/TT-BYT và Thông tư số 21/2017/TT-BYT đối với
Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành năm 2019**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số 742/TTr-BV ngày 28/3/2019 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật Bệnh viện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành được thực hiện bổ sung 234 kỹ thuật vào Danh mục kỹ thuật chuyên môn của Bệnh viện theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

(Kèm Danh mục)

Điều 2: Yêu cầu Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, nhân sự, trang thiết bị mới được triển khai kỹ thuật. Thực hiện kỹ thuật đúng phạm vi hoạt động, đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

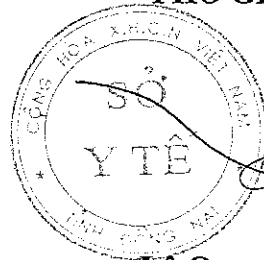
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

**DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG THỰC HIỆN
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC LONG THÀNH**

Theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT và Thông tư số 21/2017/TT-BYT của Bộ Y tế
(Ban hành kèm quyết định số 1995/QĐ-SYT ngày 31/10/2019 của Sở Y tế Đồng Nai)

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		III. NHI KHOA				
		XIX. NGOẠI KHOA				
		D. GAN - MẬT - LÁCH - TỤY				
		1. Gan				
1	3415	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan	x	x		
		XVIII. THÁO BỘT CÁC LOẠI				
2	4246	Tháo bột các loại	x	x	x	x
		IX. GÂY MÊ HỒI SỨC				
		A. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
3	15	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x	
4	16	Chọc tĩnh mạch cảnh trong	x	x	x	
5	17	Chọc tĩnh mạch đùi	x	x	x	
6	18	Chọc tĩnh mạch dưới đòn	x	x	x	
7	42	Đặt nội khí quản qua đèn Airtracq hoặc tương đương	x	x	x	
8	45	Đặt nội khí quản với ống nội khí quản có vòng xoắn kim loại	x	x	x	
9	114	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật	x	x	x	
10	120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản	x	x	x	
		B. GÂY MÊ				
11	219	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi	x	x		
12	269	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
13	289	Gây mê phẫu thuật bướu cổ	x	x	x	
14	302	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
15	312	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	x	x	x	
16	356	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x		
17	357	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x		
18	362	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
19	367	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
20	370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mí mắt	x	x	x	
21	372	Gây mê phẫu thuật cắt khối u khẩu cái	x	x		
22	373	Gây mê phẫu thuật cắt lách bán phần	x	x		
23	374	Gây mê phẫu thuật cắt lách bệnh lý	x	x		
24	384	Gây mê phẫu thuật cắt lồi xương	x	x		
25	385	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn	x	x	x	
26	386	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	x	x	x	
27	387	Gây mê phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng	x	x	x	
28	390	Gây mê phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	x	x		
29	391	Gây mê phẫu thuật cắt mào tinh	x	x		
30	399	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x		
31	401	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x		
32	402	Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x		
33	403	Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x		
34	429	Gây mê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	x	x	x	

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
35	523	Gây mê phẫu thuật cắt u biểu bì	x	x		
36	539	Gây mê phẫu thuật cắt u hốc mũi	x			
37	662	Gây mê phẫu thuật cố định mảng sườn di động	x	x		
38	709	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x	x		
39	710	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x	x		
40	711	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x	x		
41	719	Gây mê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x			
42	726	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x	x	
43	727	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x	x	
44	728	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x	x	
45	764	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x	
46	768	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x	
47	769	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	x	x	x	
48	775	Gây mê phẫu thuật điều trị tổn tại ống rốn ruột	x	x		
49	787	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x	x	
50	788	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x	
51	819	Gây mê phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo	x	x		
52	914	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x		
53	915	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
54	916	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
55	917	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x		

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
56	918	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
57	919	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
58	920	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chì thép	x	x		
59	921	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
60	922	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
61	1013	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x	x	
62	1014	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên	x	x	x	
63	1016	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x	x	
64	1017	Gây mê phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đỉnh xương, nẹp vít, ốc, khóa)	x	x		
65	1055	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng	x	x		
66	1056	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc	x	x		
67	1057	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trực tràng	x	x		
68	1058	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt	x	x		
69	1061	Gây mê phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	x	x	x	
70	1066	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ bao gan	x	x		
71	1114	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x	
72	1119	Gây mê phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột	x	x	x	
73	1134	Gây mê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x	x	
74	1140	Gây mê phẫu thuật mở màng phổi tối đa	x	x	x	
75	1141	Gây mê phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột	x	x	x	
76	1217	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	x	x		
77	1227	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông	x	x		
78	1229	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng	x	x		

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
79	1276	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách	x	x		
80	1379	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu	x	x		
81	1418	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	x	x		
82	1419	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm mủm trên lồi cầu ngoài	x	x		
83	1437	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x		
84	1454	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan	x	x		
85	1463	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x		
86	1467	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành	x	x		
		C. HỒI SỨC				
87	1630	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu	x	x		
88	1633	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	x	x		
89	1639	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân OAP- dọa OAP	x	x		
90	1755	Hồi sức phẫu thuật cắt chỏm nang gan	x	x		
91	1774	Hồi sức phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x		
92	1775	Hồi sức phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x		
93	1792	Hồi sức phẫu thuật cắt lách bệnh lý	x	x		
94	1803	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn	x	x	x	
95	1804	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	x	x	x	
96	1912	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	x	x	x	
97	2080	Hồi sức phẫu thuật cố định màng sườn di động	x	x		
98	2082	Hồi sức phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
99	2083	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng	x	x		
100	2084	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực	x	x		

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
101	2087	Hồi sức phẫu thuật đa chấn thương	x	x		
102	2119	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	x	x		
103	2123	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới	x	x		
104	2127	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x	x		
105	2128	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x	x		
106	2129	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x	x		
107	2140	Hồi sức phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x		
108	2193	Hồi sức phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn ruột	x	x		
109	2234	Hồi sức phẫu thuật đóng đinh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sang	x	x		
110	2247	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ	x	x		
111	2253	Hồi sức phẫu thuật đục chồi xương	x	x		
112	2254	Hồi sức phẫu thuật đục xương sửa trục	x	x		
113	2262	Hồi sức phẫu thuật gan- mật	x	x		
114	2271	Hồi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích < 5%	x	x		
115	2318	Hồi sức phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành	x	x		
116	2319	Hồi sức phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	x	x		
117	2332	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x		
118	2333	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
119	2334	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
120	2335	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x		
121	2336	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x		

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
122	2337	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
123	2338	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	x	x		
124	2431	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x	x	
125	2432	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên	x	x	x	
126	2435	Hồi sức phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đỉnh xương, nẹp vít, ốc, khóa)	x	x		
127	2475	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật trực tràng	x	x		
128	2476	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x		
129	2483	Hồi sức phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	x	x	x	
130	2484	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ bao gan	x	x		
131	2531	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	x	x	x	
132	2532	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x	
133	2549	Hồi sức phẫu thuật mở cơ môn vị	x	x		
134	2558	Hồi sức phẫu thuật mở màng phổi tối đa	x	x	x	
135	2563	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật	x	x		
136	2635	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	x	x		
137	2797	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu	x	x		
138	2874	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành	x	x		
		D. GÂY TÊ				
139	3045	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
140	3086	Gây tê phẫu thuật bảo tồn	x	x	x	
141	3154	Gây tê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình	x	x		
142	3162	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo	x	x		
143	3246	Gây tê phẫu thuật cắt polyp mũi	x	x		

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
144	3247	Gây tê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x	
145	3270	Gây tê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x	x	
146	3385	Gây tê phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi	x	x		
147	3389	Gây tê phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x		
148	3394	Gây tê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mắt	x	x		
149	3400	Gây tê phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mắt	x	x		
150	3401	Gây tê phẫu thuật cắt u thần kinh	x	x		
151	3402	Gây tê phẫu thuật cắt u thành âm đạo	x	x		
152	3403	Gây tê phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x		
153	3408	Gây tê phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn	x	x		
154	3421	Gây tê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x		
155	3422	Gây tê phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mắt đường kính dưới 3 cm	x	x		
156	3423	Gây tê phẫu thuật cắt u xương lành	x	x	x	
157	3424	Gây tê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x	x	
158	3458	Gây tê phẫu thuật chích áp xe gan	x	x	x	
159	3461	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật	x	x	x	
160	3469	Gây tê phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật	x	x		
161	3488	Gây tê phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta	x	x		
162	3595	Gây tê phẫu thuật điều trị tổn thương ống rốn ruột	x	x		
163	3607	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x	x	
164	3608	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x	
165	3611	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mắt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
166	3636	Gây tê phẫu thuật đóng đinh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sáng	x	x		

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
167	3679	Gây tê phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x	
168	3734	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x		
169	3735	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
170	3736	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
171	3751	Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x		
172	3827	Gây tê phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x	x	
173	3833	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x	x	
174	3837	Gây tê phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đỉnh xương, nẹp vít, ốc, khóa)	x	x		
175	3855	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x		
176	3895	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt	x	x		
177	3950	Gây tê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x	
178	3953	Gây tê phẫu thuật loại 3	x	x	x	
		Đ. AN THẦN				
179	4460	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	x	x	x	
180	4461	An thần bệnh nhân nhổ răng	x	x		
181	4463	An thần bệnh nhân nội soi đường tiêu hóa	x	x		
182	4465	An thần bệnh nhân phải nắn xương	x	x	x	
183	4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	x	x	x	
184	4467	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	x	x	x	
185	4470	An thần nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
186	4471	An thần nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
187	4760	An thần sau phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x	
188	4761	An thần sau phẫu thuật chấn thương sọ não	x	x		

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
189	4770	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	x	x	
		X. NGOẠI KHOA				
		B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC				
		1. Cấp cứu chấn thương - vết thương ngực				
190	163	Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động	x	x	x	
		C. TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
		3. Bàng quang				
191	352	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	x	x		
192	360	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	x	x		
		5. Sinh dục				
193	386	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
194	406	Cắt bỏ tinh hoàn	x	x	x	
195	410	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
		D. TIÊU HÓA				
		2. Dạ dày				
196	469	Mở cơ môn vị	x	x		
		4. Ruột non - Mạc treo				
197	499	Khâu vết thương tĩnh mạch mạc treo tràng trên	x			
		Đ. GAN - MẬT - TỤY				
		1. Gan				
198	577	Cắt gan trái	x			
199	593	Cắt gan nhỏ	x	x		
200	611	Cắt chỏm nang gan	x	x	x	
201	617	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	x	x		
202	633	Nối mật ruột tận - bên	x			
		XVI. RĂNG - HÀM - MẬT				
		A. RĂNG				
203	37	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x		

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
204	38	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	x	x		
		B. HÀM MẶT				
205	254	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
206	256	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x			
207	257	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x			
208	258	Phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x			
209	269	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
210	286	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	x	x		
211	287	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	x	x		
212	290	Điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới	x	x		
213	291	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x	x		
214	294	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x		
215	348	Phẫu thuật tháo nẹp, vít	x	x		
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		H. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
216	175	Kỹ thuật kéo dẫn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh	x	x		
217	179	Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho bệnh nhân Parkinson	x	x		
		L. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)				
218	218	Kỹ thuật thông mũi họng ngược dòng ở trẻ em	x	x		
		XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		Đ. TIÊU HÓA - Ổ BỤNG				
219	58	Nội soi tiêu hóa với gây mê (dạ dày - đại tràng)	x	x		

STT	Mã TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
220	63	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	x	x		
221	66	Nội soi ổ bụng- sinh thiết	x	x		
		E. TIẾT NIỆU				
222	83	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sond JJ)	x			
223	86	Soi bàng quang	x	x		
224	90	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật	x	x		
		XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		D. BỤNG - TIÊU HÓA				
		2. Dạ dày				
225	144	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	x		
226	147	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	x	x		
		7. Hậu môn - Trực tràng				
227	228	Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo	x	x		
		8. Gan				
228	259	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan	x			
229	260	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	x	x		
230	263	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan	x	x		
		14. Thoát vị				
231	316	Phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành	x	x		
		16. Các phẫu thuật nội soi khác				
232	329	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	x	x		
233	332	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	x	x		
		Đ. TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
		6. Phẫu thuật vùng hố chậu				
234	412	Phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	x	x		

Tổng cộng: 234 kỹ thuật